

CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA CỦA THỰC DÂN ANH VÀ THỰC DÂN PHÁP - NHỮNG NÉT KHÁC BIỆT

PGS. TS. ĐỖ THANH BÌNH
TRINH NAM GIANG

Khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Hà Nội

Chính sách thuộc địa của Anh và Pháp từ khi bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa đều gặp nhau ở một tinh thần chung là không ngừng xâm chiếm, mở rộng, khai thác và bóc lột thuộc địa. Tuy nhiên, đi vào từng lĩnh vực hoạt động cụ thể, tỉ mỉ ở thuộc địa, mỗi đế quốc lại có phương pháp hành xử riêng. Điều này trước tiên xuất phát từ những đặc điểm khác nhau trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá... của từng nước đế quốc. Lịch sử phát triển của CNTB đã chứng minh rằng, Anh là nước đi đầu trong phát triển kinh tế, mà biểu hiện rõ nhất là việc hoàn thành sớm nhất cuộc cách mạng công nghiệp vào khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, trong khi ở nước Pháp cuộc cách mạng công nghiệp còn đang tiếp diễn. Chính vì vậy, nước Anh có nền kinh tế phát triển vững chắc và sớm có nhu cầu về thuộc địa hơn so với Pháp. Tiềm lực kinh tế và quân sự vượt trội giúp nước Anh nhanh chóng có được những thuộc địa màu mỡ và đánh bại nước Pháp trong cuộc cạnh tranh, cho dù nước Pháp bấy giờ cũng là một nước rất phát triển. Điều đó dẫn đến một thực tế là nước Anh có một hệ thống thuộc địa rộng

lớn hơn hẳn nước Pháp⁽¹⁾ và vì là nước thực dân đi trước, nên nó có rất nhiều kinh nghiệm trong xâm lược, cai trị và khai thác thuộc địa. Bên cạnh sự khác nhau về trình độ phát triển công nghiệp, kinh nghiệm bóc lột thuộc địa, mỗi nước thực dân còn có nét đặc thù riêng trong kinh tế. Như Lenin đã phân tích, tất cả các nước đế quốc, đặc biệt là các nước đế quốc già nua, giàu có như Anh, Pháp đều rất chú trọng xuất khẩu tư bản, nhưng riêng đế quốc Pháp, phương thức xuất khẩu tư bản đặc trưng nhất là cho vay nặng lãi (chính vì vậy, Pháp được gọi là “*đế quốc cho vay nặng lãi*” – 7; tr.108). Thị trường xuất khẩu tư bản được quan tâm hàng đầu của đế quốc Pháp là các nước châu Âu mà chủ yếu là Nga. Sự quan tâm này chỉ được giảm đi và chuyển hướng dần sang các nước thuộc địa kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất (Cách mạng tháng Mười năm 1917 ở Nga đã khiến Pháp mất đi một khoản cho vay và đầu tư lớn cũng như một thị trường giàu tiềm năng).

⁽¹⁾ Năm 1914, thuộc địa của đế quốc Anh rộng 33.8 triệu km² với dân số là 440 triệu người, còn thuộc địa Pháp rộng 11.1 triệu km² với 95.1 triệu người.

Còn với Anh, thương mại và hàng hải luôn là trọng tâm trong phát triển kinh tế, chú ý tăng cường sức mạnh hàng hải cũng là cách giữ gìn địa vị hàng đầu cho đế quốc Anh, cho dù đã bị các đế quốc trẻ vượt qua về công nghiệp. Mọi mối quan hệ của Anh với các nước khác, trong đó có các thuộc địa hầu như đều được quy đổi thành các lợi ích thương mại cho chính quốc. Những đặc thù trên có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế của thực dân ở hệ thống thuộc địa của từng đế quốc.

Ngoài ra còn một yếu tố nữa quyết định đến phương pháp hành xử khác nhau đối với thuộc địa của Anh và Pháp. Như chúng ta đã biết, hệ thống thuộc địa của nước Anh bao gồm nhiều nước phân bố ở bốn châu: Á, Phi, Mỹ và châu Đại Dương, trong đó có những thuộc địa rất rộng lớn như Canada và Ấn Độ; mỗi khu vực, mỗi thuộc địa lại có một nền văn hoá riêng. Đặc biệt, do sự phát triển sớm của công nghiệp và chính sách khuyến khích nhập cư vào thuộc địa của chính quốc (nhằm giải quyết tình trạng “thừa dân” ở trong nước và tình trạng thiếu vốn và lao động để khai thác thuộc địa), đế quốc Anh có khá nhiều thuộc địa di dân, những thuộc địa này về sau trở thành mô hình thuộc địa thứ hai rất độc đáo của Anh so với chủ nghĩa thực dân kiểu cũ nói chung, đó là các lãnh thổ tự trị. Chính vì vậy, nếu muốn duy trì, quản lý và cai trị tốt hệ thống thuộc địa này để cho “không một đế quốc nào sẽ có thể vượt qua về mặt lãnh thổ rộng lớn, về dân số, về sự giàu có hoặc về mọi thứ tài nguyên”(5; tr.26), thì đế quốc

Anh buộc phải tìm cho mình những phương pháp đối xử với các thuộc địa thật mềm dẻo, linh hoạt và hợp lý. Với đế quốc Pháp thì không như vậy, hệ thống thuộc địa của Pháp tuy đứng thứ hai thế giới về diện tích và dân số, nhưng chủ yếu phân bố ở hai châu Á, Phi và do quan điểm khá bảo thủ, cứng nhắc của giới thực dân nên phương pháp đối xử với các thuộc địa của Pháp có phần kém linh hoạt hơn.

Qua sự phân tích trên có thể nhận thấy rằng, trong vấn đề thuộc địa, giữa Anh và Pháp có sự khác nhau rõ nét. Điểm riêng biệt đó thể hiện trên một số lĩnh vực cụ thể:

1. Về chính trị

Sự khác nhau nổi bật nhất được thể hiện ở chỗ: cách cai trị thuộc địa của thực dân Pháp thường mang tính trực tiếp, cứng nhắc hơn so với thực dân Anh. Điều này có thể chứng minh trước tiên bằng thực tế là thuộc địa Pháp luôn có hệ thống nhân viên chỉ huy người Pháp đông đảo, tạo thành một mạng lưới rộng khắp cả nước. Chúng ta hãy làm một phép so sánh nhỏ giữa hai thuộc địa quan trọng, đặc trưng và tiêu biểu nhất cho hai đế quốc, đó là Ấn Độ thuộc Anh và Đông Dương thuộc Pháp. Vào những năm đầu thế kỷ XX, dân số của Ấn Độ là 325 triệu người, còn của Đông Dương là 15 triệu người, điều đó có nghĩa là dân số Ấn Độ gấp hơn 21 lần dân số Đông Dương. Thế nhưng thật đáng kinh ngạc, số viên chức người Âu phục vụ trong bộ máy thực dân ở Đông Dương lại gần bằng ở Ấn Độ: 4.300 so với 4.898. Người ta đã tính rằng

ở Ấn Độ thuộc Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở Đông Dương thuộc Pháp thì chỉ cần 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu rồi (10; tr.67). Cứ theo tuyên bố của chủ nghĩa thực dân là người Âu đi tới đâu, văn minh đi tới đó thì liệu có phải công cuộc “*khai hoá*”, “*phát triển*” ở các thuộc địa Pháp, đại diện là Đông Dương, được đẩy mạnh, tiến hành qui củ và đạt hiệu quả cao hơn so với các thuộc địa Anh không? Điều đó lại được trả lời bằng một phép so sánh nữa về ngành bưu chính của Ấn Độ và Đông Dương. Cũng trong thời gian trên, ở Ấn Độ có 26.000 “nhà dây thép” với 268 viên chức người Âu, còn Đông Dương chỉ có 330 “nhà dây thép” nhưng lại có 340 viên chức người Âu hoạt động (10; tr.68). Như vậy, những phép so sánh cho thấy: Sự có mặt của người Âu, chủ yếu là người Pháp ở Đông Dương không xây dựng và cải thiện tình hình thuộc địa được bao nhiêu so với người Anh ở Ấn Độ, mà chỉ tạo ra sự phình to, công kênh cho bộ máy nhà nước thuộc địa. Phần lớn ngân sách thuộc địa được chi ra hàng năm chẳng ngoài mục đích gì khác là để trả lương cho đội ngũ viên chức người Âu đông đảo ấy. Ngoài ra, cũng vì thế, các hoạt động sản xuất, dịch vụ phục vụ đời sống thực dân và viên chức phương Tây được phát triển hơn nhiều so với các hoạt động phục vụ phát triển kinh tế.

Để tạo ra cơ sở tồn tại cho số lượng đông đảo viên chức người ngoại quốc, thực dân Pháp đã can thiệp sâu hơn vào công việc thuộc địa, cụ thể là việc sắp xếp hệ thống nhân viên

hành chính. Một sử gia phương Tây nhận xét rằng: “*Tỉ lệ phần trăm của các viên chức bản xứ cấp dưới trong bộ máy viên chức Pháp thấp hơn nhiều so với tỉ lệ này trong bộ máy viên chức của Hà Lan và Anh ở Đông Nam Á*” (4; tr.1.085). Năm 1900, ở Miến Điện thuộc Anh, người Âu chiếm hầu hết các chức vụ trong ngạch viên chức cao cấp nhất ở trung ương, còn lại đại đa số các chức vụ hành chính “cấp tỉnh” thì nằm ngoài ngạch này và do người Miến Điện và người Ấn Độ đảm nhiệm. Năm 1923, người Miến Điện và Ấn Độ được tuyển dụng nhiều hơn vào các vị trí cao nhất trong ngành hành chính và cảnh sát. Trong khi đó ở Đông Dương thuộc địa Pháp, đầu thế kỷ XX, ở cấp tỉnh luôn có một viên công sứ Pháp đứng đầu cai trị, những tỉnh lớn còn thêm phó công sứ, người giúp việc cho công sứ và hàng loạt các công sở khác của người Pháp. Các trung tâm hành chính của tỉnh và một số địa phương, khu vực có tầm quan trọng đặc biệt về chính trị, quân sự cũng đều có đại diện trực tiếp của công sứ cai trị. Bên cạnh tổ chức chính quyền, ở mỗi sứ đều có các nha, là chi nhánh của các công sở trung ương có nhân viên hoạt động tới tỉnh, huyện, xã... Mạng lưới nhân viên khổng lồ, rộng khắp trên đã khẳng định tính chất trực tiếp trong cách cai trị của thực dân Pháp, mặc dù ở một số thuộc địa, chúng có cố gắng thi hành cách “*cai trị gián tiếp*” thông qua việc sử dụng những “*hoàng đế*” hay những “*thủ lĩnh*” người bản xứ, nhưng tựu chung lại, đó vẫn chỉ là cách cai trị trực tiếp được trá hình một cách vụng về mà thôi. Trong những năm 1921,

1926, Toàn quyền Đông Dương đã ban hành các sắc lệnh, nghị định nhằm tăng cường và giải quyết vấn đề viên chức người Việt trong bộ máy hành chính. Song những, những sắc lệnh, nghị định đó cũng chỉ tồn tại trên giấy tờ, còn trên thực tế vẫn còn rất ít viên chức người Việt (chủ yếu là tầng lớp “thượng lưu”) có mặt trong bộ máy nhà nước thuộc địa và hầu như chỉ giữ các chức vụ nhỏ bé. Sự cai trị trực tiếp của thực dân với đặc trưng là con số viên chức người Âu khổng lồ đã khiến cho các thuộc địa Pháp bị khai thác, bóc lột hết sức nặng nề để đáp ứng nhu cầu tham lam của bọn người mà nếu so sánh thì “*những tên cướp đường còn là những người lương thiện*” hơn chúng (10; tr. 89). Điều này đã góp phần quy định tính chất ăn bám của đế quốc Pháp.

Có thể nói mô hình thuộc địa Pháp là rất đặc trưng cho chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. Khá nhiều thuộc địa Anh cũng có cách thức tổ chức cai trị tương tự như vậy, tuy nhiên có sự giảm hơn về tính chất cai trị trực tiếp như ta đã phân tích, so sánh ở trên. Những thuộc địa này thuộc mô hình thuộc địa truyền thống của Anh. Bên cạnh đó, bằng kinh nghiệm và những lợi thế kinh tế cho phép của mình, đế quốc Anh còn tạo nên những mô hình thuộc địa khác hẳn Pháp như mô hình *thuộc địa của thuộc địa* ở Miến Điện (là một tỉnh thuộc Ấn Độ) và đặc biệt là mô hình *các lãnh thổ tự trị*.

Từ chỗ buộc phải thay đổi hình thức cai trị trước nguy cơ bùng nổ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở các vùng lãnh thổ

(vốn là thuộc địa di dân mà người Anh chiếm đa số hoặc đã áp đặt được quyền thống trị lên đa số người bản xứ), thực dân Anh đã tìm ra cách ràng buộc khéo léo các thuộc địa này mà không làm mất đi quyền lợi cho chính quốc. Các thuộc địa này được gọi là lãnh thổ tự trị, có quyền tham gia Hội nghị Thuộc địa (từ 1907 là Hội nghị Đế quốc). Chính phủ của các thuộc địa này có toàn quyền về nội trị, được quyền tham gia hoặc không tham gia vào các hiệp định ký kết giữa đế quốc với các quốc gia khác... Tuy nhiên, tất cả các lãnh thổ tự trị đều phải thừa nhận sự đứng đầu về mặt “*tinh thần*” của Nữ hoàng Anh và không được quyền quyết định về ngoại thương và ngoại giao. Đây thực chất là sự thành lập một thứ quyền tự trị có kiểm soát được đảm bảo bằng quyền tối cao của thực dân Anh. Người Anh ở chính quốc đã đi tiên phong trong việc thực hiện kiểu đối phó “*Rút ra để ở lại*” với phong trào giải phóng thuộc địa. Và sự thành công được biểu hiện thông qua việc thực dân Anh né tránh được phong trào đấu tranh ở thuộc địa, đồng thời tạo ra cho mình những đồng minh trung thành tuyệt đối mà sau này sẽ cùng Anh lập nên một Khối Liên hiệp Anh rất chắc chắn. Về điểm này, đế quốc Pháp hoàn toàn thua kém Anh, nó hầu như chỉ có duy nhất một thuộc địa di dân Angiêri, song không tạo ra sự cai trị khác biệt ở đó. Trong quá trình cai trị thuộc địa, thực dân Pháp luôn kiểm soát chặt chẽ và đặt những cơ cấu xã hội cũ ở thuộc địa dưới quyền cai trị của mình, đồng thời tìm mọi cách cắt xén quyền hành và hạ thấp bớt vai trò của những người trước đây

đứng đầu, chỉ huy những cơ cấu đó. Việc làm của thực dân Pháp đã làm cho một số nhà lãnh đạo cũ ấy cảm thấy xứ sở của mình bị áp bức, bóc lột nhiều hơn so với các thuộc địa khác (đặc biệt là so với các thuộc địa Anh), do đó, họ đã đứng lên đấu tranh. Và thế là chẳng những Pháp không né tránh được các phong trào đấu tranh ở thuộc địa mà bản thân Liên hiệp Pháp, tuy đã thành lập, song không tồn tại được trên thực tế. Ngay cả chính sách “*rút ra để ở lại*” mà thực dân Pháp thực hiện sau này nhằm cứu vãn hệ thống thuộc địa cũng không thể thành công. Nguyên nhân cơ bản là vì bản chất cai trị quá bảo thủ của thực dân Pháp. Xin nhớ rằng cho đến năm 1944, trong diễn văn của Tướng Đờ Gôn, đọc tại hội nghị Bradavin về vấn đề thuộc địa, vẫn còn khẳng định: “*Mục đích của công trình khai hoá do nước Pháp thực hiện ở thuộc địa gạt bỏ mọi ý định tự trị, mọi khả năng phát triển ngoài Đế quốc Pháp; việc thiết lập trong tương lai, dù xa xôi đi nữa, một chế độ tự trị trong các thuộc địa, cũng bị gạt bỏ*” (2; tr. 51).

Sự khác nhau về chính trị đã cho thấy tính linh hoạt của thực dân Anh trong ứng xử với vấn đề thuộc địa. Điều đó xem ra rất phù hợp với đặc điểm nhạy bén và thói quen tính toán thành thực của quốc gia thương mại này. Việc để tồn tại nhiều mô hình thuộc địa là cách để người Anh chia cắt có hiệu quả sự đoàn kết đấu tranh giữa các thuộc địa. Có thể coi đây là sự lý giải vì sao trên thực tế không tồn tại được một Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa Anh chống lại nước Anh mà lại

xuất hiện một Hội nghị đế quốc Anh hoạt động tương đối hiệu quả.

2. Về kinh tế

Bản chất của nền kinh tế ở thuộc địa của Anh hay ở thuộc địa của Pháp thì cũng đều là què quặt, lệ thuộc, được ví như “*cái đuôi*” của nền kinh tế chính quốc. Tuy vậy, dưới sự thống trị thực dân của hai nước đế quốc có đặc trưng kinh tế khá riêng biệt như Anh và Pháp, các thuộc địa của chúng vẫn có một số nét khác nhau cơ bản. Như chúng ta đã biết, Pháp là một đế quốc “*cho vay nặng lãi*” và có quan điểm để cho các thuộc địa luôn trong tình trạng “*không có khả năng phát triển*”. Vì thế, phương thức khai thác bóc lột mà chúng áp dụng ở thuộc địa mang tính chất rất cổ sơ, lạc hậu, chủ yếu dựa trên sự thu lượm những sản phẩm sẵn có của thuộc địa và ít có sự đầu tư kỹ thuật. Với đế quốc Anh, truyền thống và thế mạnh thương mại tạo điều kiện cho nước Anh nghĩ ra thêm nhiều hình thức ứng xử khác đối với kinh tế thuộc địa để nhằm thu lại nhiều lợi nhuận và lâu dài hơn từ thuộc địa. Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Anh Chamberlain (1836 - 1914) đã từng tuyên bố: “*Tôi thấy nhiều thuộc địa của chúng ta là những bất động sản đang trong tình trạng không sinh lợi và chúng sẽ không bao giờ phát triển nếu không có sự giúp đỡ của chính quốc. Tôi dự định xem xét kỹ lưỡng tất cả mọi trường hợp để có thể đầu tư tiền bạc của nước Anh một cách sáng suốt nhất, để những bất động sản thuộc về vương triều Anh phát triển và sinh lợi cho dân tộc ta cũng như cho đế quốc*” (5; tr. 27).

Để thuộc địa sinh lợi lớn nhất, đó là mục tiêu mà thực dân Anh theo đuổi trong xây dựng kinh tế thuộc địa. Bề dày kinh nghiệm cai trị thuộc địa đã giúp cho thực dân Anh nhận thấy rằng, nếu chỉ đơn thuần khai thác thuộc địa mà không có sự đầu tư thì chẳng những kinh tế thuộc địa ngày càng kiệt quệ, chính quốc không thu được nhiều lợi nhuận nữa, mà bản thân thực dân sẽ phải hứng chịu mũi nhọn của phong trào giải phóng dân tộc. Hơn thế nữa, một điểm cần chú ý ở đế quốc Anh là đế quốc này có nền kinh tế phát triển hơn và đi trước trong cách mạng công nghiệp so với đế quốc Pháp. Cho đến cuối thế kỷ XIX, việc sản xuất công nghiệp trong nước Anh dường như đã bão hoà. Và vì thế, cùng với việc tăng cường xuất khẩu hàng hoá sang thuộc địa, tư bản tài chính Anh cũng bắt đầu di chuyển vốn, kĩ thuật sang các thuộc địa giàu có nguyên liệu và nhân công rẻ để tiến hành sản xuất. Dần dần, việc sản xuất ở thuộc địa đã mở cho tư bản Anh một hướng thu lợi nhuận lớn do giảm được chi phí vận chuyển và tiếp cận trực tiếp với thị trường nguyên liệu, nhân công và tiêu thụ. Bằng cách này, tư bản Anh đã “*chuyển giao*” sang thuộc địa những công nghệ cũ và những ngành sản xuất không còn hiệu quả thu lợi nhuận cao ở chính quốc, từ đó sản xuất ra những hàng hóa (đặc biệt là hàng tiêu dùng) để cung cấp lại cho chính quốc, vừa đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước vừa thu được lợi nhuận cao. Các thuộc địa thực dân Anh chú ý phát triển sản xuất đầu tiên trong đó có Ấn Độ và sau này chủ yếu là các lãnh thổ tự trị – những hậu phương an toàn của thực dân Anh.

Những đặc điểm khác nhau trên được biểu hiện rõ trước hết ở việc đầu tư cho thuộc địa Anh và Pháp. Thông qua số vốn và tài sản phân bố ở nước ngoài của Anh và Pháp, người ta đã tính được rằng, đầu tư cho thuộc địa của Anh năm 1870 chiếm 1/3 tổng số đầu tư ra bên ngoài và tiếp tục tăng vào những năm 30 của thế kỷ XIX, trong khi đó năm 1913, đầu tư cho thuộc địa của Pháp mới chiếm 1/10 số vốn đầu tư ra bên ngoài và hầu như không tăng giữa hai cuộc đại chiến thế giới. Trước Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất, mối quan tâm lớn nhất của Pháp chủ yếu là châu Âu (Năm 1914, tài sản của Pháp ở các nước châu Âu chiếm 3/5 tổng số tài sản ở nước ngoài của Pháp), trong đó quan trọng hơn cả là Nga và Đông Âu. Chỉ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất, với việc mất nguồn vốn và thị trường lớn ở Nga do Cách mạng tháng Mười thành công, thực dân Pháp mới chuyển mối quan tâm sang các thuộc địa, biểu hiện ở các công trình khai thác qui mô và sâu sắc hơn. Một điểm khác nhau khá đặc biệt trong đầu tư cho thuộc địa giữa thực dân Anh và thực dân Pháp là thực dân Pháp luôn tìm cách chống lại sự đầu tư của tư bản ngoài Pháp vào các thuộc địa của mình, trong khi đó người Anh hầu như không hề áp đặt một hạn chế nào đối với đầu tư nước ngoài ở thuộc địa, tất nhiên Anh vẫn giữ tỷ lệ đầu tư cao nhất. Năm 1938, tư bản Pháp chiếm “95% tổng số vốn đầu tư của châu Âu tại các xí nghiệp kinh doanh và toàn bộ vốn đầu tư vào công trái nhà nước” ở Đông Dương (4; tr.1.126). Ở Malaixia thuộc Anh, năm 1930, tổng số vốn đầu tư của

phương Tây là 116,5 triệu bảng, trong đó đầu tư của Anh chiếm 70% và cho đến trước Chiến tranh thế giới lần thứ Hai, “các công ty Mỹ vẫn sở hữu các đồn điền cao su lớn nhất, rất nhiều vốn của Australia được đầu tư vào ngành thiếc và người Nhật kiểm soát tất cả các mỏ sắt” (4; tr. 1.126), ngoài ra còn có sự đầu tư mạnh mẽ của Hoa kiều và Ấn kiều.

Thực dân Anh đã thực sự đưa các thuộc địa vào guồng máy thương mại thế giới thông qua sự kiểm soát khéo léo và hiệu quả của mình. Các thuộc địa của Anh hầu hết đã được khai thác tối đa các lợi thế của mình. Về nông nghiệp, các loại cây trồng có khả năng đem lại sản lượng và hiệu quả cao liên tục được mở rộng diện tích và sản phẩm của chúng được tiến hành chế biến luôn tại thuộc địa. Về công nghiệp, ngoài công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng, các ngành công nghiệp có thể mạnh nguyên liệu ở thuộc địa cũng được đầu tư vốn, máy móc, khoa học kỹ thuật để phát triển. Có thể lấy ví dụ như ngành công nghiệp thiếc đã biến Singapore trở thành “trung tâm lớn nhất thế giới về luyện thiếc” (4; tr.1.142) với nguồn nguyên liệu phong phú ở bán đảo Mã Lai và từ Xiêm, Đông Dương thuộc Pháp, Miến Điện, Australia, Trung Quốc, Trung và Nam Phi được thu nhận về. Như vậy, hàng xuất khẩu từ thuộc địa Anh có một số lượng tương đối là các sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh, trong khi hàng xuất khẩu từ thuộc địa Pháp chủ yếu là nguyên liệu thô hoặc mới qua sơ chế. Điều đó tạo ra một tình trạng khá thú vị như đã nêu trên là: các thuộc địa Anh sử dụng nguyên liệu từ thuộc địa

Pháp để sản xuất. Sự nhạy bén của thực dân Anh đối với kinh tế thuộc địa còn thể hiện trong lĩnh vực thương nghiệp. Trên cơ sở khai thác về vị trí địa lý, thực dân Anh đã đầu tư biến Singapore từ một làng chài nhỏ bé nghèo nàn trở thành một trung tâm thương mại quan trọng nhất trong khu vực, đóng vai trò phân phối nguyên liệu và sản phẩm công nghiệp cho các nước khác, kể cả cho các thuộc địa Pháp. Trước Chiến tranh thế giới lần thứ Hai, tổng kim ngạch thương mại của Singapore đã đạt 2.000 triệu đôla (1đôla Mã Lai = 0,025 bảng). Tuy những phát triển trên ở các thuộc địa Anh vẫn không bền vững bởi chịu sự chi phối kiểm soát chặt chẽ của thực dân Anh, nhưng chúng cũng đã tạo nên cho thuộc địa Anh một bộ mặt khá quan hơn so với thuộc địa Pháp về kinh tế.

Sự phát triển kinh tế muộn và kém hơn của các thuộc địa Pháp còn thể hiện ở tốc độ xây dựng mạng lưới đường sắt rất chậm chạp. Đường sắt thời kỳ này được coi như là “con đường độc nhất để xâm nhập kinh tế” (2; tr.15), thế mà cho đến năm 1900, không kể Bắc Phi, toàn bộ thuộc địa Pháp mới chỉ có khoảng 600 km đường sắt, đến năm 1914, con số này tăng lên là 5.800 km. Trong khi đó chỉ riêng Ấn Độ thuộc Anh, năm 1891, đã có chiều dài đường sắt là 27.000 km (9; tr.502). Với tầm quan trọng đặc biệt đối với việc khai thác vận chuyển nguyên liệu, lưu thông sản xuất, phân phối sản phẩm, mạng lưới đường sắt nói riêng và giao thông vận tải nói chung đến lượt mình lại có ảnh hưởng lớn đối với kinh tế thuộc địa. Đó là lí do tại sao các thuộc

địa Anh càng có tiền đề để phát triển, dù kéo theo sự phát triển đó, chúng càng lệ thuộc hơn vào chính quốc.

3. Về văn hoá

Mỗi nước thực dân khi đi xâm lược thuộc địa đều cố gắng du nhập và áp đặt nền văn hoá của nước mình lên thuộc địa. Cũng vì vậy, các thuộc địa Anh sẽ chịu ảnh hưởng chủ yếu của văn hoá Anh, và các thuộc địa Pháp thì tương tự, sẽ chịu ảnh hưởng chủ yếu của văn hoá Pháp. Thực tế ấy thể hiện trước hết ở mặt ngôn ngữ. Tiếng Anh và tiếng Pháp đã du nhập vào các thuộc địa của từng nước đế quốc, trở thành ngôn ngữ quan trọng thứ hai bên cạnh ngôn ngữ bản xứ, đặc biệt phổ biến ở tầng lớp thượng lưu, trí thức. Đây chính là công cụ để thực dân truyền bá văn hoá của chính quốc và là điều kiện cần thiết để nhân dân thuộc địa tiếp xúc với các yếu tố văn hoá mới.

Đối với các thuộc địa Anh, do được khai thác sớm và có nhận được sự đầu tư khoa học - kỹ thuật nhất định của thực dân Anh, nên các thuộc địa này cũng đã tiếp thu được một phần các thành tựu của cách mạng công nghiệp Anh, điển hình như máy hơi nước, đường sắt... Mặt khác, nhiều công trình xây dựng của thực dân Anh ở thuộc địa đã thực sự trở thành một yếu tố văn hoá vật chất của thuộc địa ở thời kỳ này. Đặc biệt, các lãnh thổ tự trị, với số lượng đông đảo người Anh sinh sống (thuộc địa di dân), chính là những thuộc địa tiếp thu gần như hoàn chỉnh, đầy đủ nhất văn hóa Anh, từ phong cách lối sống, cách tư duy đến trình độ sản xuất, trí thức khoa

học... Sự tương đồng văn hoá ấy chính là điều kiện để các quốc gia này giành được quyền tự trị, đồng thời lại là chất kết dính tự nhiên về quyền lợi giữa chúng và chính quốc, bên cạnh sự can thiệp của thực dân (thậm chí còn mạnh hơn sự can thiệp này).

Đối với các thuộc địa Pháp, các yếu tố được du nhập từ chính quốc mạnh nhất là tư tưởng và tri thức xã hội. Như chúng ta đã biết, từ sau cuộc Đại cách mạng Tư sản Pháp 1789, văn hoá tiến bộ của nước Pháp lan toả khắp châu Âu và thế giới với công thức nổi tiếng “*tự do, bình đẳng, bác ái*”. Thực dân Pháp cố gắng ngăn chặn sự tiếp xúc trọn vẹn những yếu tố tiến bộ trên các thuộc địa và sử dụng công thức “*tự do, bình đẳng, bác ái*” để mị dân, phục vụ công cuộc khai thác, bóc lột. Song với công cụ là tiếng Pháp và sự hoạt động tích cực của Hội liên hiệp Các dân tộc thuộc địa Pháp (thành lập năm 1921) trong việc tuyên truyền, đưa sách báo tiến bộ về thuộc địa, nhân dân các thuộc địa, đặc biệt là tầng lớp trí thức Tây học vẫn có điều kiện tìm hiểu sâu rộng đối với văn hoá tiến bộ Pháp. Thông qua quá trình tìm hiểu ấy, người dân thuộc địa đã nhận thấy rõ bản chất lừa bịp của những luận điệu mà thực dân rêu rao, bởi những gì chúng gây ra ở thuộc địa trái ngược hẳn với những điều tốt đẹp được phản ánh trong văn hoá - tư tưởng Pháp. Thực tế đó lí giải vì sao ở các thuộc địa Pháp, những tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ, tích cực rất phát triển và các cuộc đấu tranh của nhân dân thuộc địa thường diễn ra hết sức quyết liệt. Người ta thường nói rằng: “*Những kẻ chống*

đối người Pháp sâu cay nhất lại là những người biết tiếng Pháp giỏi nhất”(4; tr. 1.008). Đó được coi như một kết quả trái ngược với chính sách đồng hoá của thực dân Pháp.

4. Về xã hội

Do thực dân Anh tiến hành khai thác thuộc địa từ rất sớm và đồng thời cũng đầu tư để phát triển sản xuất (tuy còn nhỏ hẹp), nên ở *các thuộc địa Anh*, giai cấp tư sản và giai cấp công nhân người bản xứ hầu như ra đời cùng một lúc. Trên cơ sở tiếp nhận những biến đổi tích cực do thực dân mang lại, đồng thời thông qua quá trình tham gia vào guồng máy thương mại của chính quốc và thế giới, giai cấp tư sản thuộc địa ngày càng phát triển, trưởng thành về kinh tế và ý thức chính trị, đặc biệt là tầng lớp tư sản dân tộc. Ở các lãnh thổ tự trị, quá trình trưởng thành này diễn ra nhanh hơn bởi giai cấp tư sản chủ yếu là người da trắng, trong đó chiếm đại đa số là người Anh, được thừa hưởng vốn văn hoá hoàn chỉnh của phương Tây và có tiềm lực về kinh tế khá mạnh. Thực tế đã chứng minh, từ cuối thế kỷ XIX đến thế kỷ XX, giai cấp tư sản ở các thuộc địa này đã lãnh đạo thành công phong trào đấu tranh giành quyền tự trị và ngày càng tỏ ra độc lập hơn so với chính quốc. Hầu hết các thuộc địa Anh đều đã thành lập được các đảng của giai cấp tư sản từ rất sớm so với các thuộc địa của các đế quốc khác, mặc dù lúc ban đầu các đảng này có thể chỉ là “*cái nắp an toàn*” cần thiết cho chính quyền thực dân Anh, như Đảng Quốc đại ở Ấn Độ. Nhưng dần dần, cùng với sự

trưởng thành của giai cấp tư sản, đặc biệt là qua các cuộc đại chiến thế giới, các đảng này ngày một mạnh lên, thoát khỏi sự kiểm soát của thực dân Anh và nắm vai trò quan trọng đối với phong trào đấu tranh giành độc lập. Giai cấp công nhân ở các thuộc địa Anh cùng với sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa và sự phát triển của giai cấp tư sản cũng không ngừng tăng về số lượng. Từ năm 1880 đến năm 1900, giai cấp công nhân Ấn Độ đã tăng từ 44.000 người lên đến 161.000 người. Tuy vậy, với kinh nghiệm thống trị của giai cấp tư sản ở chính quốc, thực dân Anh rất chú ý tìm cách chia cắt phá hoại phong trào công nhân. Hơn nữa, do sự phát triển của giai cấp tư sản, giai cấp công nhân đã được thu hút vào phong trào chống thực dân Anh với lãnh đạo là giai cấp tư sản.

Ở các thuộc địa Pháp, do được khai thác muộn hơn và phương pháp khai thác còn cổ sơ, lạc hậu, không có sự đầu tư lớn về vốn và kỹ thuật nên giai cấp tư sản thuộc địa ra đời rất muộn, thế lực kinh tế yếu ớt và theo đó năng lực chính trị cũng hạn chế hơn. Ở Việt Nam thuộc Pháp, mãi đến sau sau Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất, giai cấp tư sản mới hình thành và “*toàn bộ lực lượng nòng cốt của giai cấp tư sản Việt Nam vào cuối những năm 20 đạt khoảng 2.000 người, chiếm 0,1% dân số cả nước*”(2). Tuy nhiên do bị thực dân Pháp chèn ép, cản trở phát triển nên giai cấp tư sản

(2) GS. Trương Hữu Quýnh – GS. Đinh Xuân Lâm – GS. Lê Mậu Hãn. *Đại cương Lịch sử Việt Nam: Toàn tập*. NXB Giáo dục, Hà Nội. Tr. 699.

ở các thuộc địa Pháp cũng sớm có tinh thần dân tộc và tham gia lãnh đạo phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, nhưng không sớm lập được đảng riêng hoặc đảng được lập ra có cương lĩnh chưa vững vàng. Điều ấy xuất phát ở chỗ giai cấp tư sản ở thuộc địa Pháp bị lệ thuộc quá chặt chẽ vào thực dân Pháp về quyền lợi, thế lực kinh tế yếu ớt và số lượng nhỏ bé, không cho phép nó có tiếng nói chính trị mạnh mẽ hơn. Trong khi đó, bởi cần nhiều nhân công cho công cuộc khai thác ban đầu với vốn đầu tư còn ít, công nhân ở thuộc địa Pháp lại ra đời sớm hơn giai cấp tư sản, chủ yếu là công nhân mỏ và công nhân đồn điền. Với ưu thế đông đảo, có quyền lợi gắn bó chặt chẽ với nhân dân lao động hơn giai cấp tư sản, lại có sự hỗ trợ tích cực từ phong trào công nhân Pháp vốn có truyền thống cách mạng từ lâu, giai cấp công nhân thuộc địa của Pháp đã tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc và ngày càng đóng vai trò quan trọng. Ở Đông Dương, năm 1930, giai cấp công nhân đã thành lập được chính đảng của mình và nắm chọn quyền lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc.

Như vậy, những biểu hiện khác nhau trên một số phương diện trong chính sách thuộc địa của thực dân Anh và thực dân Pháp là khá rõ nét. Sự khác nhau trên lĩnh vực này là nguyên nhân, tiền đề hoặc là hệ quả của sự khác nhau trên lĩnh vực khác. Xét đến cùng, chúng đều xuất phát từ đặc điểm riêng về quá trình phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá của từng đế quốc. Điều đó tạo nên sắc thái đa dạng cho các thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần khẳng

định rằng, chính những khác biệt này lại càng làm nổi bật lên bản chất của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, đó là luôn luôn tìm đủ mọi cách để sao cho khai thác, bóc lột và đàn áp thuộc địa được hiệu quả nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jacques Arnault. *Lên án chủ nghĩa thực dân. Phần 1: Những giai đoạn của cuộc xâm lược thực dân*. Paris 1958. Bản đánh máy, Thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Ray-mông Bac-bê. *Đặc điểm của chủ nghĩa thực dân Pháp*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1963.
3. Michel Beaud. *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 2002.
4. D.G.E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
5. Bùi Hồng Hạnh. *Quá trình hình thành Khối Liên hiệp Anh*. Luận văn thạc sĩ ngành Lịch sử. Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG, Hà Nội, 2002.
6. Phan Lang. *Còn hay không chủ nghĩa thực dân*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1991.
7. V.I. Lênin. *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tội cùng của chủ nghĩa tư bản*. Nxb Tiến Bộ, Matxcova, 1975.
8. C. Mác – F. Ăng. *Tuyển tập*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1970.
9. Vũ Dương Ninh – Nguyễn Văn Hồng. *Lịch sử thế giới cận đại*. Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 2002.
10. Nguyễn Ái Quốc. *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1976.